

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 69/2000/QĐ-TTg ngày 19/6/2000 ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 101/CP của Chính phủ ngày 23 tháng 9 năm 1997 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

QUY CHẾ Quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

(ban hành kèm theo Quyết định số 69/2000/QĐ-TTg ngày 19/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để xây dựng dự án luật, dự án pháp lệnh theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội; dự thảo nghị quyết có nội dung quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ có nội dung quy phạm pháp luật.

Điều 2. Kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm và cân đối vào kế hoạch kinh phí thường xuyên của cơ quan được phân công chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thẩm định, thẩm tra, tổ chức giới thiệu và công bố văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 3. Kinh phí xây dựng các quyết định, chỉ thị, thông tư, thông tư liên tịch và điều ước quốc tế có nội dung quy phạm pháp luật không thuộc đối tượng văn bản quy định tại Điều 1 Quy chế này do cơ quan chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tự sắp xếp trong dự toán ngân sách được duyệt hàng năm.

Điều 4. Các nguồn kinh phí khác như viện trợ, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được cân đối trong kinh phí xây dựng dự án, dự thảo. Việc sử dụng và quản lý các nguồn kinh phí này được áp dụng như việc sử dụng và quản lý kinh phí hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Chương II

LẬP DỰ TOÁN, CẤP PHÁT, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 5. Hàng năm, căn cứ vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ và định mức chi phí cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này, cơ quan được phân công chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật lập dự toán kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gửi Bộ Tài chính, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp. Thời hạn gửi dự toán kinh phí cùng với thời hạn gửi dự kiến Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 101/CP ngày 23 tháng 9 năm 1997.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp xác định mức kinh phí hỗ trợ cho từng văn bản quy phạm pháp luật để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 6. Căn cứ vào mức kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm, cơ quan được phân công chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật lập dự toán chi phù hợp với dự kiến tiến độ xây dựng văn bản gửi Bộ Tài chính làm căn cứ cấp phát kinh phí.

Điều 7. Căn cứ vào mức kinh phí được phân bổ, dự toán chi được duyệt và tiến độ triển khai công tác xây dựng từng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính có trách nhiệm cấp phát kinh phí kịp thời cho cơ quan được phân công chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và cơ quan thẩm định, thẩm tra, tổ chức giới thiệu và công bố văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 8.

1. Kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Quy chế này được chỉ cho các nội dung sau:

a) Công tác soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Điều tra, khảo sát thực tế, mời chuyên gia, cộng tác viên;

- Biên dịch, chuẩn bị tài liệu;

- Soạn thảo, hội thảo, chuẩn bị văn bản;

- In ấn tài liệu;

- Các khoản chi khác (nếu có).

b) Công tác tổ chức giới thiệu nội dung dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ để lấy ý kiến của các cơ quan, đoàn thể, nhân dân;

c) Công tác thẩm định, thẩm tra;

d) Công tác tổ chức công bố các luật, pháp lệnh.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp quy định mức chi cụ thể cho từng nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Hàng năm, Bộ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, quyết toán kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 9. Trường hợp dự án xây dựng văn bản quy phạm pháp luật không có trong Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của Quốc hội, Chính phủ hoặc văn bản quy phạm pháp luật có trong Chương trình nhưng chuyển sang năm sau hoặc tạm dừng thực hiện, thì cơ quan chủ trì soạn thảo phải kịp thời thông báo đến Bộ Tài chính, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp để tổng hợp, bổ sung và điều chỉnh kinh phí cho phù hợp.

Điều 10. Hàng quý, cơ quan được phân công chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải gửi báo cáo về việc sử dụng kinh phí được cấp và tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đến Bộ Tài chính để làm căn cứ điều chỉnh hoặc cấp tiếp kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 11.

1. Việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải tuân theo

đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 87/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 nói trên và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Cơ quan được phân công chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có hành vi vi phạm Quy chế này, gây lãng phí cho ngân sách nhà nước thì bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

Thủ tướng Chính phủ
PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 70/2000/QĐ-TTg ngày 20/6/2000 về việc chuyển Công ty Chất đốt thuộc Tổng công ty Thương mại Sài Gòn thành công ty cổ phần.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước Công ty Chất đốt thuộc Tổng công ty Thương mại Sài Gòn, theo đề nghị tại Công văn số 1676/UB-CNN ngày 23 tháng 5 năm 2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

1. Vốn điều lệ của công ty cổ phần: 17.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- Tỷ lệ cổ phần nhà nước 20% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp 65% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ cổ phần bán cho các đối tượng ngoài doanh nghiệp 15% vốn điều lệ.

2. Giá trị thực tế của Công ty Chất đốt thuộc Tổng công ty Thương mại Sài Gòn tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 1 năm 1999 để cổ phần hóa là 29.932.293.342 đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Công ty 16.061.145.920 đồng.

3. Ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp.

Tổng số cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là 59.098 cổ phần, phần giá trị được ưu đãi là 1.772.940.000 đồng.

Trong đó số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp trả dần 7.525 cổ phần, tương ứng 526.750.000 đồng.

Điều 2. Chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Chất đốt thuộc Tổng công ty Thương mại Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh thành công ty cổ phần:

- Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt Nam: Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn.
- Tên giao dịch quốc tế: SAIGON FUEL JOINT - STOCK COMPANY.
- Tên viết tắt: SFC.
- Trụ sở chính: Số 1 A, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điều 3.** Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn kinh doanh các ngành nghề sau:
- Kinh doanh các loại: